

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

Số: 50./CBTT-CTy

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bảo Lộc, ngày 09 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Mã chứng khoán: DTB

Địa chỉ : Số 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duy Tiên

Điện thoại: 02633.864057

Email: ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn

Website: <http://congydothibaoloc.com>

Loại thông tin công bố 24h 72h bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2020 được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://congydothibaoloc.com> (mục quan hệ cổ đông) ngày 09/4/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Duy Tiên



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Địa chỉ: Số 261, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng,
Việt Nam

Website: <https://congydothibaoloc.com/>

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

MỤC LỤC

1

06

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

2

20

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2020

3

41

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN Giám đốc

4

53

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

59

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

71

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

CHƯƠNG 01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 5800001347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09 tháng 12 năm 2020.
- Vốn điều lệ: 15.582.480.000
- Địa chỉ: : Số 261, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Số điện thoại: 02633.864057
- Số fax: 02633.3710343
- Website: <https://congydothibaoloc.com/>
- Mã cổ phiếu : DTB

Vốn điều lệ

15.582.480.000

đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị sự nghiệp là Xí Nghiệp Công trình Đô thị Bảo Lộc và Đội Duy tu bảo dưỡng đường giao thông Bảo Lộc theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng

Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 2516/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc thành Công ty Cổ phần.

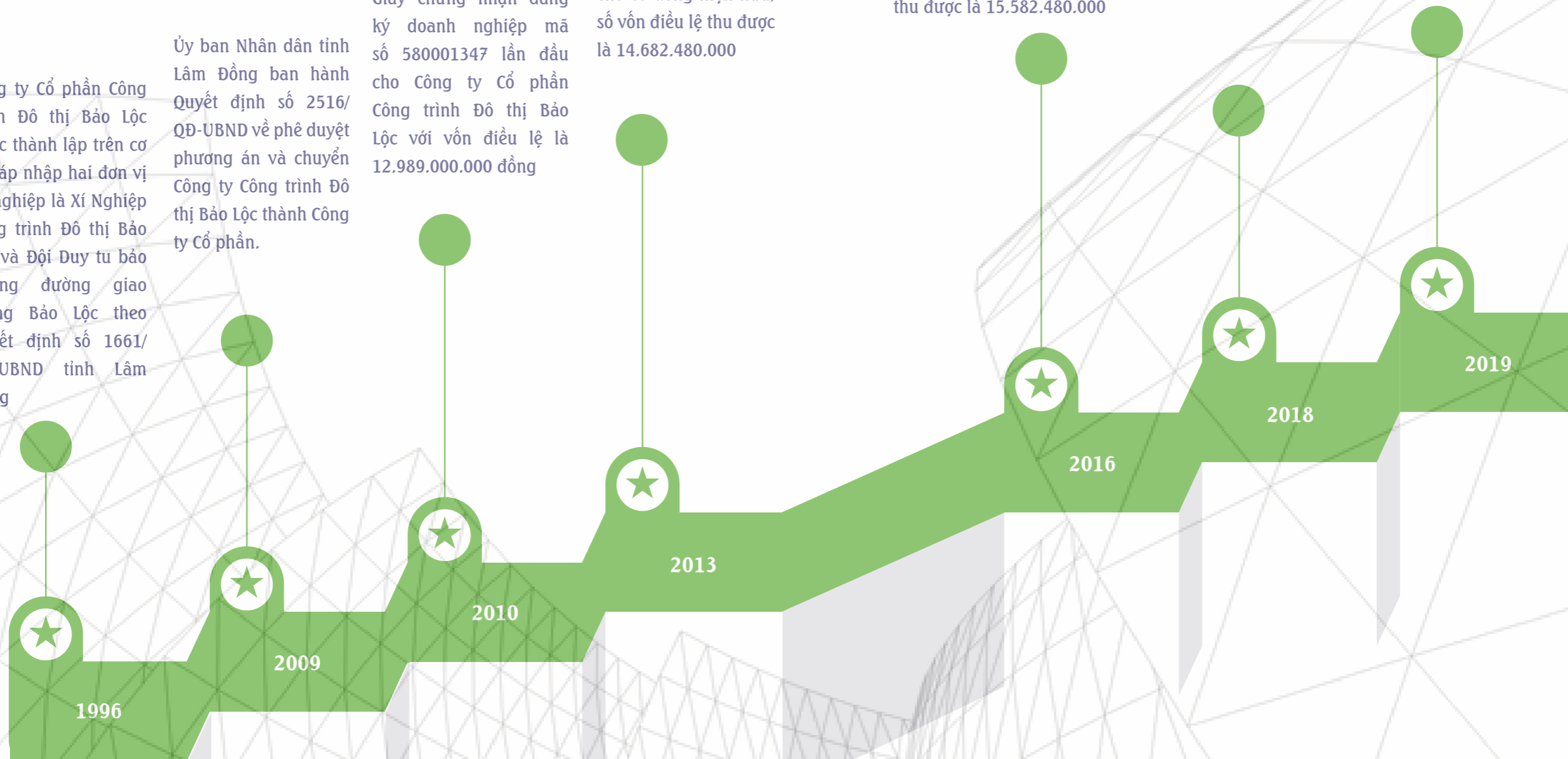
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 580001347 lần đầu cho Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc với vốn điều lệ là 12.989.000.000 đồng

Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lần đầu thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, số vốn điều lệ thu được là 14.682.480.000

Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lần hai thông qua phát hành cho Cổ đông Nhà nước (Góp vốn hỗ trợ Doanh nghiệp mua sắm xe tưới nước chuyên dụng), số vốn điều lệ thu được là 15.582.480.000

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản số 6978/UBCK-GSĐC về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc trở thành công ty đại chúng.

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc, ngày giao dịch đầu tiên là 22/07/2019.



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Qua 24 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc vẫn luôn giữ vững và tiếp tục đạt được những thành tích và bằng khen của tập thể công ty trên cơ sở bám sát định hướng phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường của tỉnh Lâm Đồng. Trong năm 2020, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ sau:

- Ngày 15/12/2020: Liên đoàn lao động tỉnh Lâm Đồng tặng bằng khen Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2020
- Ngày 21/4/2020: UBND tỉnh Lâm Đồng trao tặng bằng khen theo QĐ số 722/QĐ-UBND vì Công ty đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh Lâm Đồng 2019.
- Ngày 31/12/2020: Công ty được trao tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu và tổ chức Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc đã và đang tạo nên thương hiệu riêng trong lĩnh vực xử lý môi trường thông qua việc tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính như sau:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.
- Trồng các loại hoa, cây cảnh
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng.
- Xây dựng, chăm sóc, duy trì công viên, khu vực cây xanh.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Sửa chữa cơ khí nhỏ, rửa xe, bơm dầu nhớt.
- Kinh doanh gas, khí đốt. Duy tu, bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè. Tổ chức quản trang, mai táng trên đại bàn thành phố Bảo Lộc.

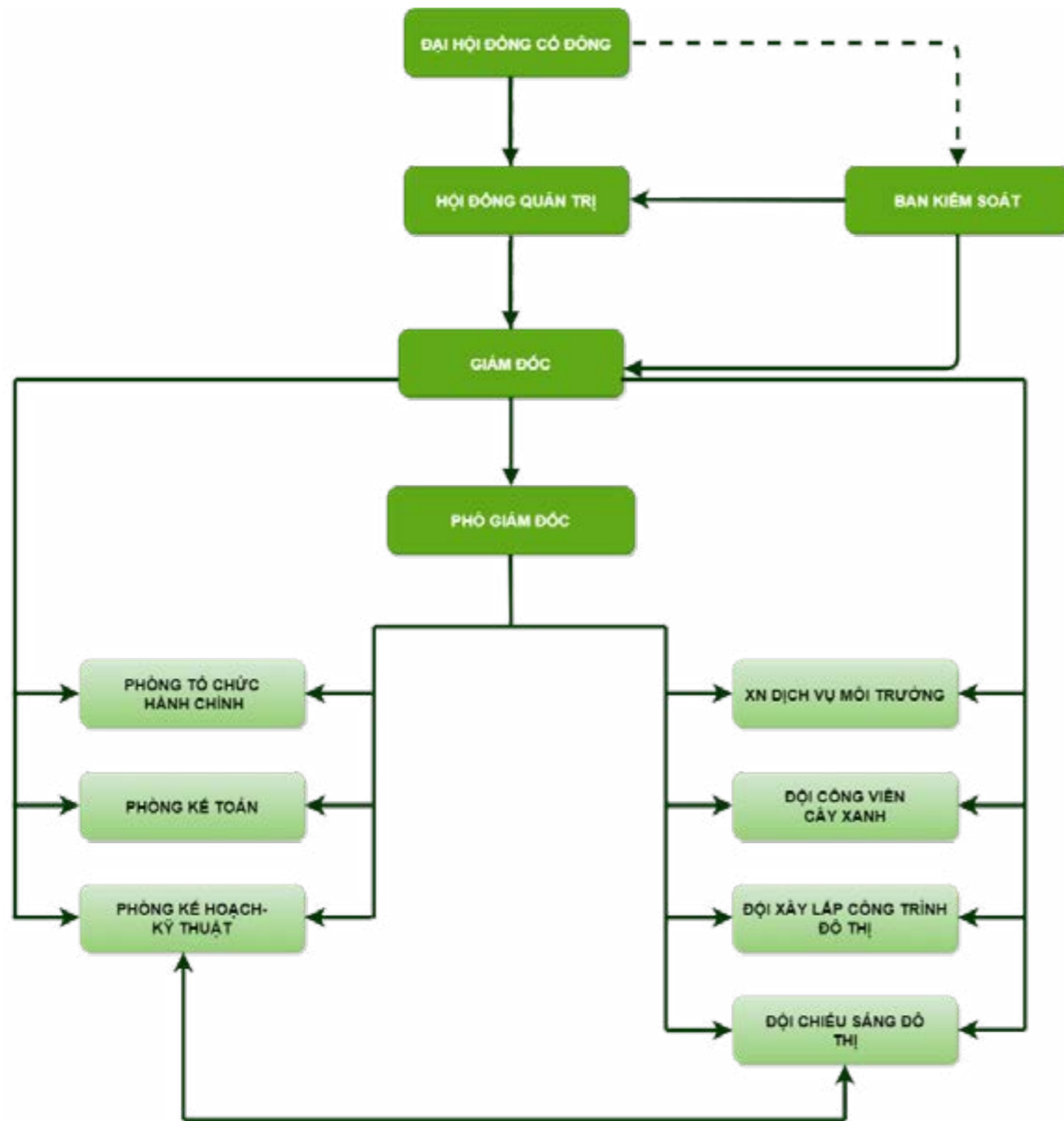


Địa bàn kinh doanh

Thực hiện các công trình trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và các khu vực lân cận thuộc tỉnh Lâm Đồng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



A Các mục tiêu phát triển bền vững

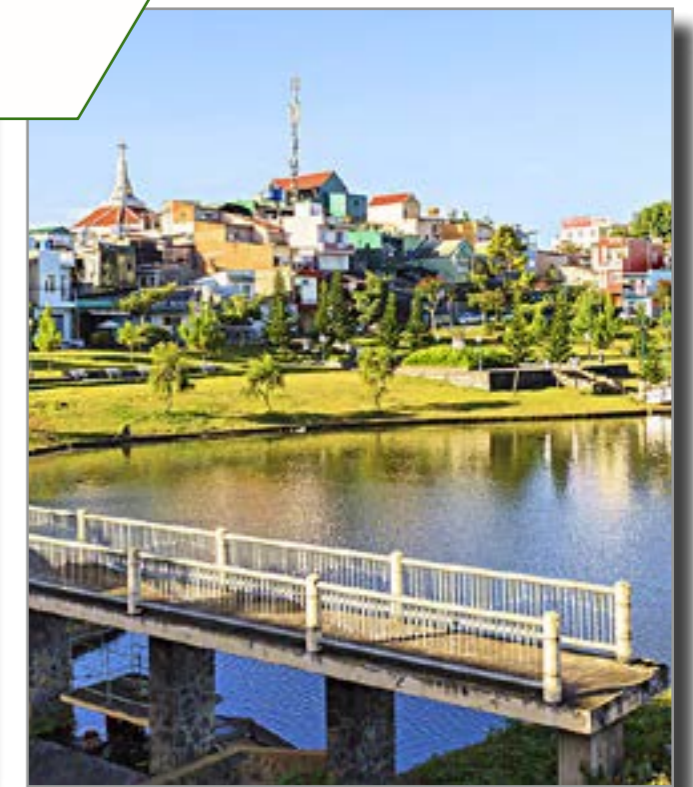
- Xây dựng và duy trì mỹ quan đô thị của thành phố Bảo Lộc, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh đến các huyện và tỉnh lân cận.
- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa,... để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân tại địa phương.

B Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ đề ra.
- Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng làm hài lòng khách hàng.
- Tập trung nguồn lực hỗ trợ nhằm thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị góp phần đưa thành phố Bảo Lộc đạt chuẩn đô thị loại II.
- Trở thành doanh nghiệp top đầu trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

C Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từng bước xây dựng thương hiệu riêng cho công ty, tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới, thu hút đầu tư vào công ty.
- Cải thiện và nâng cao năng lực, tay nghề, trình độ của cán bộ công nhân viên. Đầu tư, bổ sung các trang thiết bị máy móc tối ưu, hiện đại để tiến tới đầu thầu, cạnh tranh với các đối tác khác trong lĩnh vực dịch vụ công ích, xây dựng cơ bản và các lĩnh vực công ty có chức năng thực hiện trong phạm vi thành phố Bảo Lộc và tỉnh Lâm Đồng.
- Huy động nguồn vốn của các cổ đông để đầu tư máy móc, thiết bị, mở rộng thị trường kinh doanh, tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư để phối hợp phát triển các lĩnh vực Công ty đang thực hiện.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2020, nền kinh tế trở nên trì trệ bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid, Theo IMF, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu ước tính sẽ giảm khoảng 4,4%. Do mức độ hội nhập sâu rộng của nền kinh tế nên Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của sự suy giảm chung khi tăng trưởng GDP năm 2020 chỉ vào khoảng 2,91%. Để đạt được mức tăng trưởng như vậy, Chính phủ đã tiến hành hàng loạt chính sách như nới lỏng tín dụng thông qua thông tư 01/2020/TT-NHNN, chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/03/2020; đẩy mạnh đầu tư công để kích thích nền kinh tế.

Trong năm, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đã tăng 5,51%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm vào GDP. Với đặc thù lĩnh vực kinh doanh của Công ty không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt, do đó ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng, bất thường của nền kinh tế. Tuy nhiên, DTB luôn chủ động theo dõi tình hình biến động về kinh tế vĩ mô để có những kế hoạch dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra và đưa ra những chiến lược phù hợp cho từng thời kỳ.



Rủi ro môi trường

Với ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của mình đối với môi trường. Tuy nhiên, quá trình vận chuyển, xử lý rác thải, gây ra mùi hôi là điều không thể tránh khỏi, gây ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân, đồng thời, các loại rác hiện nay chỉ có thể xử lý bằng cách chôn lấp nên việc bãi rác không đủ sức chứa khiến chi phí cho việc xử lý rác thải hàng ngày tăng lên và tạo thêm áp lực cho công nhân viên Công ty.

Bên cạnh đó, là một công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý rác thải, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các dự án xây dựng và dịch vụ công ích, Chính phủ đã ủy quyền cho UBND tỉnh và thành phố áp dụng hình thức đấu thầu để chọn nhà cung ứng dịch vụ công ích cho địa phương. Và các đơn vị tham cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích ngày càng nhiều, cạnh tranh nhau khốc liệt về quy mô, tính chất nên việc trúng thầu trở nên ngày càng khó khăn hơn.

Rủi ro pháp luật

DTB là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được niêm yết trên sàn UPCOM nên mọi hoạt động của DTB chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật liên quan. Bước sang năm 2021 sẽ đưa vào áp dụng Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 sự thay đổi về mặt chính sách có thể xảy ra và ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Nghị định 32/2019/NĐ-CP có những quy định chặt chẽ về đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Nếu không có sự bám sát kịp thời, DTB sẽ gặp nhiều rủi ro trong quá trình tiến hành các dự án đấu thầu. Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, DTB luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.



CÁC RỦI RO



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Đặc thù của DTB là Công ty hoạt động về lĩnh vực môi trường nên giá cả phụ thuộc nhiều vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước. Thế nhưng hiện nay, các chính sách về giá vẫn chưa bắt kịp với tình hình thực tế. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, lương cho nhân công có xu hướng ngày càng tăng trong khi giá dịch vụ lại được quản lý chặt

chẽ, cơ chế tăng giá phải trả qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điều này đã làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá cung ứng dịch vụ của Công ty. Trước thực trạng đó, DTB đã và đang cân nhắc đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, cải thiện doanh thu.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng Công ty có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội, mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Các khoản đầu tư
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của
chủ sở hữu
Báo cáo phát triển bền vững

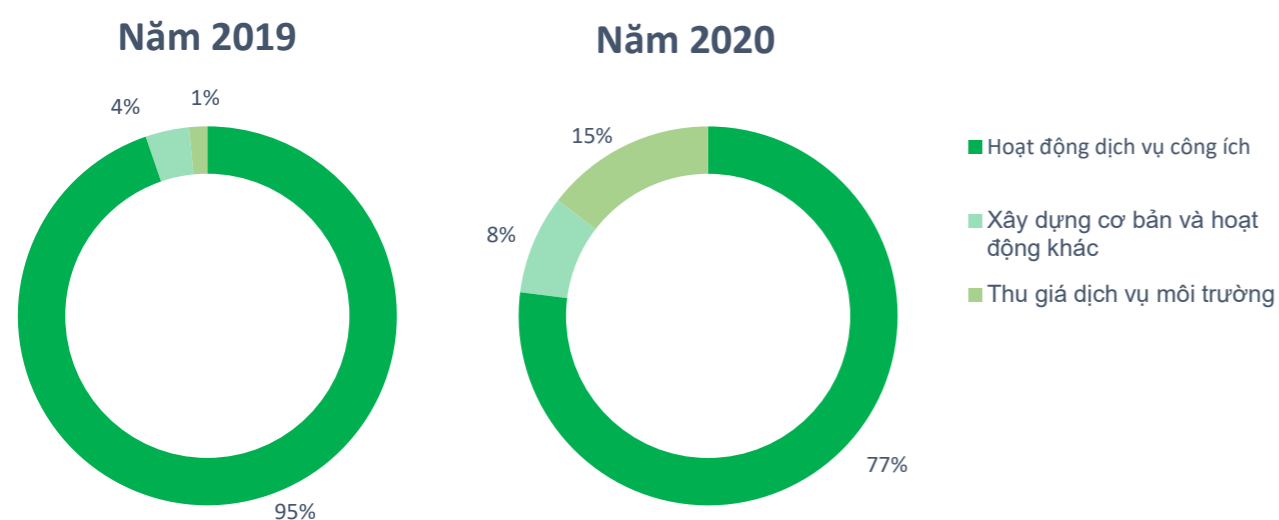
CHƯƠNG 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/ %Năm2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.260	47.683	107,73%
1.1	Hoạt động dịch vụ công ích	34.944	36.713	105,06%
1.2	Xây dựng cơ bản và hoạt động khác	2.337	4.030	172,44%
1.3	Thu giá dịch vụ môi trường	6.979	6.940	99,44%
2	Lợi nhuận trước thuế	2.052	3.614	176,12%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.606	3.080	191,78%



Năm 2020, Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 47,68 tỷ đồng (tăng 7,73% so với cùng kỳ) và 3,08 tỷ đồng (tăng 91,78% so với cùng kỳ), nguyên nhân chủ yếu đến từ tăng doanh thu ở mảng hoạt động dịch vụ công ích.

Đối với mảng hoạt động dịch vụ công ích ghi nhận mức tăng 1,77 tỷ đồng (tăng 5,06% so với cùng kỳ) từ việc tăng doanh thu vệ sinh môi trường và các hoạt động chiếu sáng đô thị.

Mảng xây dựng cơ bản và hoạt động khác cũng ghi nhận tăng thêm 1,69 tỷ đồng (tăng 72,44% so với cùng kỳ) do ghi nhận doanh thu từ cá hợp đồng dịch vụ môi trường, trồng chăm sóc cây xanh, lắp đèn chiếu sáng khuôn viên....



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông: Lê Kim Hiền	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Công ty	5.700	0,37%
3	Ông: Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc Công ty	4.600	0,30%

LÊ KIM HIỀN
Thành viên HĐQT/
Giám đốc Công ty

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1986- 1988 : Ban chỉ huy đội tại Nông trường dầu tầm Kô Hín Đa
- 1988- 1989 : Kỹ thuật cơ khí tại Xí nghiệp phân bón Đại Lào
- 1989- 1997 : Công nhân cơ điện tại Nhà máy chè 19/5
- 1997-1998 : Công nhân cơ điện tại Văn phòng Công ty chè Lâm Đồng (Xưởng chè xanh II)
- 1998- 2005 : Tổ trưởng cơ điện tại Nhà máy chè 1/5
- 2005-2008 : Đội trưởng đội Sản xuất vật liệu tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2008- 2014 : Giám đốc XN Dịch vụ Môi trường tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2014- 2016 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.
- 11/2016- 7/2020 : Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 06/2015- 11/2019 : Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 11/2019 - 11/2020 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 11/2020 - Nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 5.700 cổ phiếu (0,37% Vốn điều lệ)

NGUYỄN ĐỨC HẠNH
Thành viên HĐQT/
Phó Giám đốc Công ty

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1986- 1990: Giáo viên- trung đội trưởng tại Tiểu đoàn 158, Vùng 1, Hải Quân
- 1991- 1995: Công nhân tại Nhà máy chè 1-5 thuộc liên hiệp các xí nghiệp chè Lâm Đồng
- 1995- 2010: Đội trưởng đội công viên cây xanh, trực thuộc Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2010- 02/2020: Đội trưởng đội công viên cây xanh, trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2015- 02/2020: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 02/2020- Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2015 - 11/2020: Thành viên Ban Kiểm soát
- 11/2020 - Nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 400.393 cổ phiếu (25,7% Vốn điều lệ)

- Cá nhân sở hữu : 4.600 cổ phiếu (0,30% Vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu phần vốn của Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc: 12.989 cổ phiếu (0,83% Vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu phần vốn của UBND tỉnh Lâm Đồng: 382.804 cổ phiếu (24,57% Vốn điều lệ)



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

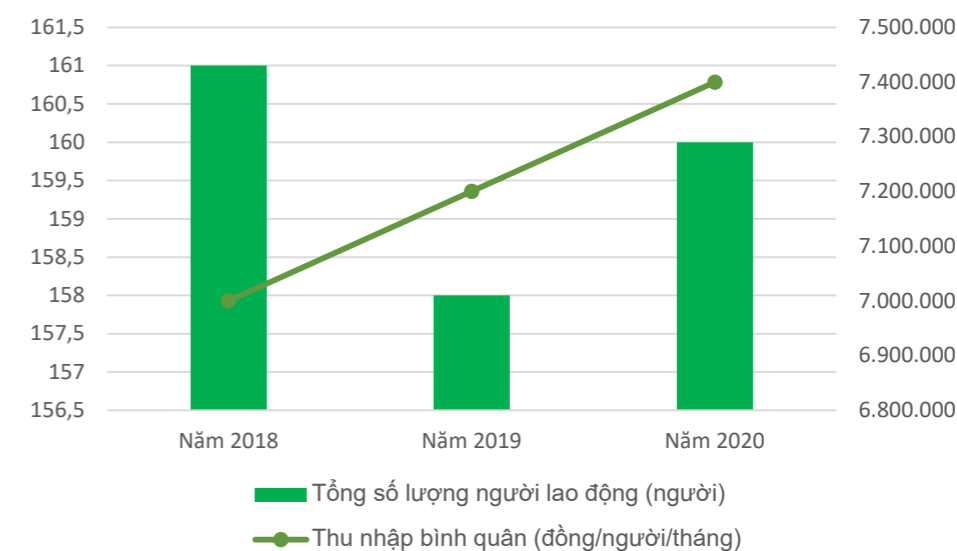
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông: Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch HĐQT	24/11/2020
2	Ông: Lê Kim Hiền	Giám đốc Công ty	30/11/2020
3	Ông: Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc Công ty	13/02/2020
4	Ông: Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	24/11/2020
5	Ông: Phạm Thanh Kem	Trưởng Ban Kiểm soát	24/11/2020
6	Ông: Phạm Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	24/11/2020



Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	160	
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	30	18,75%
3	Cao đẳng	4	2,50%
4	Trung cấp	8	5,00%
5	CNKT	10	6,25%
6	Khác	108	67,50%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	160	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	32	20,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	128	80,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0

Thu nhập bình quân đầu người



Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	161	158	160
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.000.000	7.200.000	7.400.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Công ty đề cao phát triển nhân sự bền vững thông qua việc bảo đảm quyền lợi bình đẳng đối với người lao động. DTB đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên trong quá trình làm việc, và tạo điều kiện để mọi người phát huy năng lực tối đa. Việc đảm bảo quyền lợi bình đẳng với người lao động chính là cách thức để công ty phát triển nhân sự bền vững.



Về đào tạo

Hiểu được nhân lực là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty, Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.

Về tuyển dụng

Để đảm bảo có thể tuyển được nhân lực đáp ứng được trình độ chuyên môn, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai, minh bạch.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng xây dựng một chế độ làm hợp lý nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, tâm lý thoải mái cho người lao động. Ngoài ra, mọi ý kiến đóng góp của cán bộ nhân viên luôn được Ban lãnh đạo ghi nhận, cân nhắc và áp dụng nếu phù hợp với quá trình hoạt động, mang lại hiệu quả trong công việc. Thêm vào đó, Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy trách nhiệm, tinh thần lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và tự hoàn thiện mình và mang lại lợi ích cho Công ty, đặc biệt là các thành tích nổi bật và ý tưởng sáng tạo mang lại hiệu quả trong các công tác hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn -bảo hộ lao động...

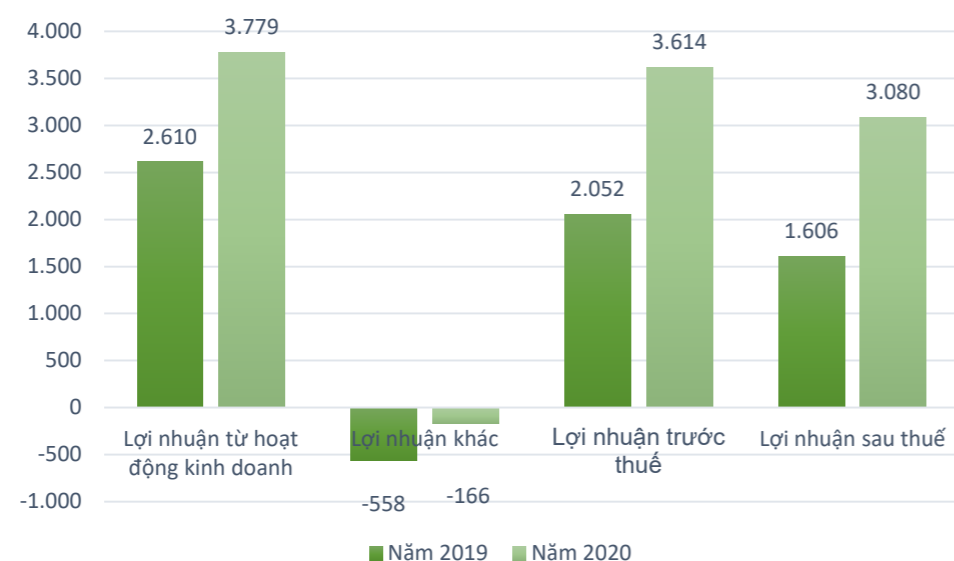


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/ % Năm 2019
1	Doanh thu thuần	44.260	47.683	107,73%
2	Giá vốn hàng bán	35.732	37.121	103,89%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.610	3.779	144,79%
4	Lợi nhuận khác	(558)	(166)	29,75%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.052	3.614	176,12%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.606	3.080	191,78%

Cơ cấu doanh thu



Trong năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh nói chung của Công ty đã gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì thực hiện hợp đồng với các khách hàng truyền thống với công tác vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt, duy tu cầu đường, hệ thống điện chiếu sáng, chăm sóc cây xanh công viên... Đồng thời, tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng

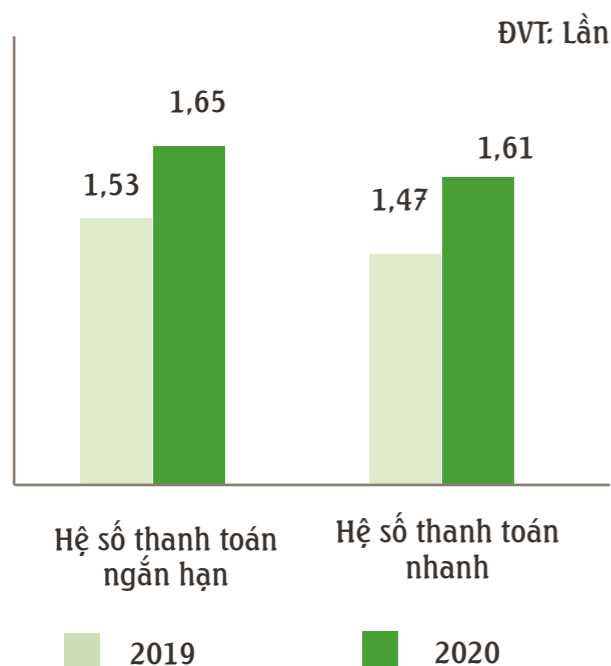
địa bàn kinh doanh. Mặt khác, Công ty còn thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí, quản lý tốt chi phí hoạt động tại các bộ phận nên tỷ lệ giá vốn/ doanh thu thuần giảm từ 80,73% xuống 77,85%. Với sự cố gắng không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên, DTB đã ghi nhận mức doanh thu 47,683 tỷ đồng (tăng 7,73% so với cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt 3,08 tỷ đồng (tăng 91,78% so với cùng kỳ).

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,53	1,65
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,47	1,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50,46	47,5
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	101,85	90,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,47	40,27
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,22	1,28
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,63	6,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,73	16,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,42	8,24
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,90	7,93

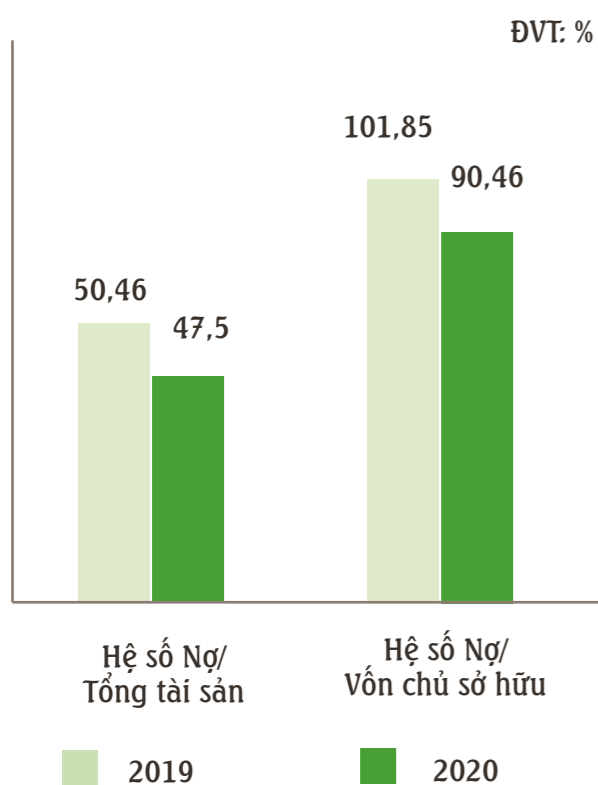


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các hệ số về khả năng thanh toán đều có xu hướng tăng so với năm 2019. Cụ thể hơn, hệ số thanh toán ngắn hạn đã tăng từ 1,53 lần lên 1,65 lần; hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,47 lần lên 1,61 lần. Nguyên nhân chính đến từ tình hình nền kinh tế có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch Covid nên Công ty hạn chế đầu tư các dự án mới, tăng khoản tiền gửi ngân hàng (tăng 42,74% so với năm 2019) để dự phòng cho những trường hợp xấu nhất. Từ đó, khoản tiền và tương đương tiền của Công ty đã tăng 26,07% so với năm 2019 trong khi khoản nợ ngắn hạn gần như không thay đổi nhiều.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhìn chung, cơ cấu tài chính của DTB vẫn khá an toàn khi Công ty không sử dụng nợ vay tài chính, ưu tiên dùng vốn tự có để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình. Tuy vậy, Công ty vẫn còn khoản phải trả chiếm tới 23,79% trong tổng nợ phải trả liên quan đến hợp đồng số 02/HDHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ đến thời điểm này vẫn chưa thống nhất số liệu giữa các bên để chính thức ngừng hoạt động theo công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là 47,5% và 90,46%. Việc duy trì đòn bẩy cao như hiện nay đang là bài toán đặt ra đối với DTB để ứng phó với những biến động chung của nền kinh tế.

Chỉ tiêu về hoạt động

Trong năm 2020, các chỉ số về năng lực hoạt động đều có xu hướng tăng so với năm 2019. Cụ thể hơn, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 22,47 vòng lên 40,27 vòng, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,22 vòng lên 1,28 vòng.

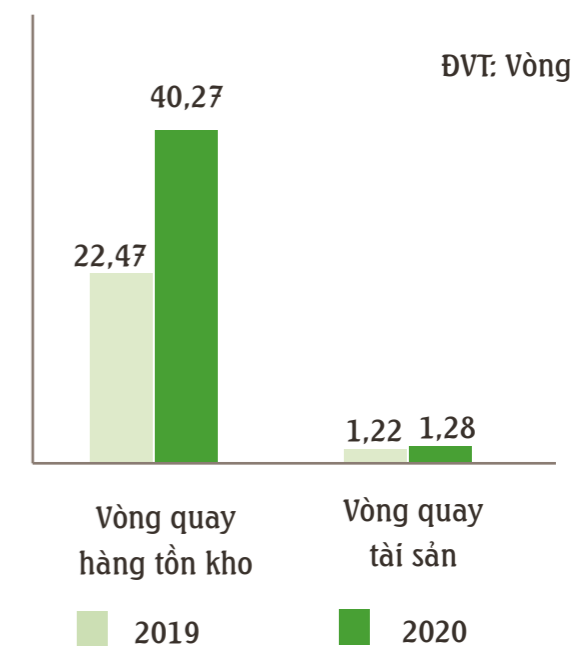
Nguyên nhân vòng quay hàng tồn kho tăng lên đến từ hàng tồn kho trong kỳ giảm 37,1% so với cùng kỳ. Chủ yếu do trong năm, Công ty không còn ghi nhận khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trị giá 240,48 triệu đồng.

Vòng quay tổng tài sản ghi nhận mức tăng nhẹ so với năm 2019 do doanh thu thuần trong năm 2020 tăng 3,4 tỷ đồng (tăng 7,74% so với cùng kỳ năm trước) trong khi tổng tài sản lại gần như không có sự thay đổi nhiều. Kết thúc năm 2020, giá trị tổng tài sản đạt 38,3 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ năm trước).

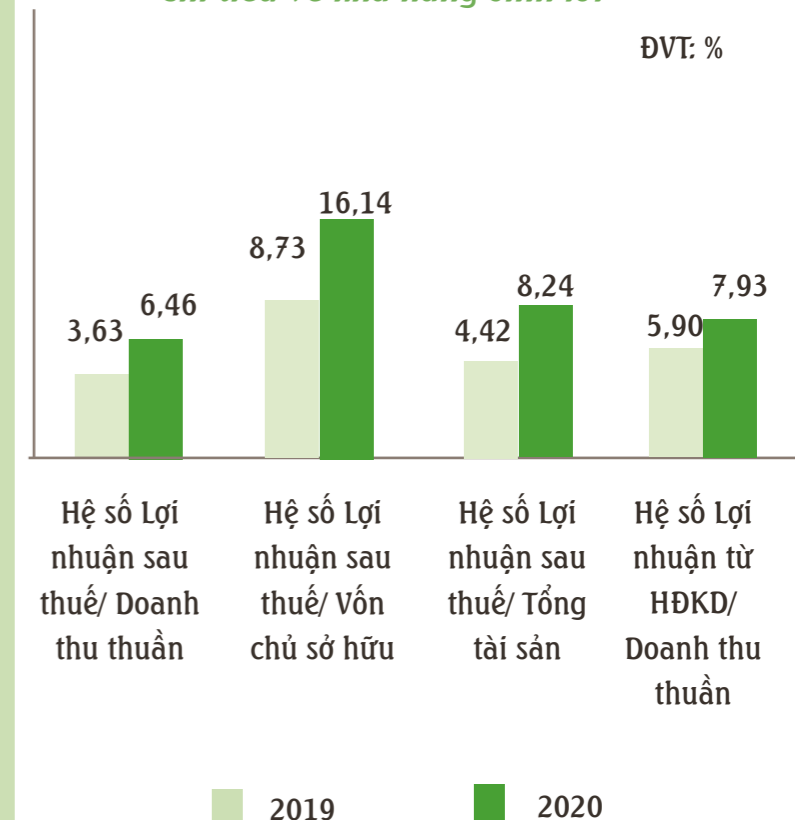
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực so với năm trước. Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích - Vốn dĩ rất ít bị ảnh hưởng bởi những biến động ngắn hạn, đột ngột của nền kinh tế như dịch bệnh, khủng hoảng. Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận do đó đã giúp cải thiện các chỉ số sinh lời. Cụ thể ROA và ROE lần lượt đạt 16,14% và 8,25%; Biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lần lượt đạt 6,46% và 7,93%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.558.248 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.558.248 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.558.248	15.582.480.000	100%
1	Nhà nước	957.011	9.570.110.000	61,42%
2	Tổ chức	18.989	189.890.000	1,21%
3	Cá nhân	582.248	5.822.480.000	37,37%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0%
	Tổng cộng	1.558.248	15.582.480.000	100%



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu được Công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu gồm cây xanh, cây kiểng, các loại hoa, cây lá màu, xăng, dầu, nhớt, nhựa đường, vật tư thiết bị điện công nghiệp (dùng trong ngành chiếu sáng công cộng), vật liệu xây dựng các loại, một số sản phẩm cơ khí chế tạo,... Công ty có nguồn cung khá ổn định, phần lớn các nhà cung cấp đều chấp thuận phương án trả chậm hoặc thanh toán theo phương thức gởi đầu. DBT luôn chú trọng giữ mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng tiết kiệm tối đa các khoản chi phí. Tuyên truyền, vận động từng cán bộ công nhân viên sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, có hiệu quả

Tiêu thụ năng lượng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng các năng lượng từ điện, xăng, dầu, nhớt,... để phục vụ cho quá trình vận chuyển rác thải, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình công cộng,...

Để hạn chế tác động đến môi trường, Công ty luôn khuyến khích người lao động sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững, thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... DTB cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.



Tiêu thụ nước

Công ty đã sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của cán bộ công nhân viên.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu những năm gần đây đã khiến cho nguồn nước ngọt trở nên ngày càng khan hiếm, Công ty khuyến khích tập thể cán bộ công nhân viên Công ty sử dụng hợp lý, không làm lãng phí nguồn nước ngọt.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nắm được tầm quan trọng của người lao động đối với sự phát triển bền vững của Công ty, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của tập thể cán bộ nhân viên. Tiền lương được chi trả theo hệ số, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho người lao động. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, cán bộ nhân viên còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, trợ cấp thai sản, trợ cấp công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn...

Với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng xứng đáng. Đồng thời, các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, hình ảnh của Công ty cũng sẽ có quy định xử phạt thích đáng

Trong công tác đào tạo, Công ty đã tiến hành tự đào tạo, đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo ngoài về tùy thuộc vào nhu cầu cần đào tạo của cán bộ nhân viên.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, Công ty đều vận động cán bộ công nhân viên thực hiện quyên góp cho đồng bào vùng sâu vùng xa, đồng bào ở những vùng bị thiên tai, đóng góp quỹ "Vì người nghèo", "Quỹ đền ơn đáp nghĩa", "Quỹ mái ấm công đoàn"...





Đánh giá kết quả
hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính
sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách
nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

CHƯƠNG 03
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Trong năm 2020, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn hết sức khó khăn. Đại dịch Covid khiến cho nền kinh tế trở nên trì trệ. Trước những khó khăn đó, với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động, Công ty đã không ngừng phân bổ năng lực phù hợp, củng cố, hoàn thiện mô hình sản xuất và hệ thống nhằm tiết giảm chi phí và đạt được một số kết quả như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Doanh thu thuần : 47.683.386.978 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế : 3.079.957.522 VNĐ



Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Thuận lợi:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh và thành phố. Bên cạnh đó là sự đồng hành của các ban ngành như Đội Quản lý trật tự đô thị Thành phố, chính quyền các xã, phường và sự ủng hộ, đồng thuận của nhân dân.
- Nghị quyết của Đảng bộ Công ty, kế hoạch thực hiện các Nghị quyết được ban hành kịp thời, sát với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập thể cán bộ công nhân viên lao động của Công ty luôn giữ vững được truyền thống đoàn kết, chung sức chung lòng, cùng nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Khó khăn:

- Ngân sách dành cho công tác dịch vụ công ích mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu thực tế của Thành phố, việc huy động nguồn lực cho kiến thiết môi trường còn hạn chế.
- Hạ tầng kỹ thuật của Thành phố phần lớn đã được xây dựng từ lâu thiếu tính đồng bộ, xuống cấp, hư hỏng, không đáp ứng được nhu cầu thực tế.
- Nhà máy xử lý rác của Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Friendly (đơn vị đốt rác) thường xuyên hư hỏng, phải ngưng tiếp nhận rác, việc này gây rất nhiều khó khăn cho Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc trong việc thu gom vận chuyển rác sinh hoạt, ảnh hưởng đến công tác điều hành sản xuất của Công ty, tăng chi phí quản lý.
- Công ty bị hạn chế làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công xây dựng theo các quy định về luật đấu thầu 43/2013/QH13, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Nghị định 39/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Nhà nước thay đổi chủ đầu tư, thị trường kinh doanh nên một phần thị trường, công việc của Công ty bị chia mất. Ngoài ra, công ty còn chưa dứt điểm các hợp đồng hợp tác ba bên, tài sản chưa bán đấu giá được, một số công nợ khó đòi chưa thể thu hồi... gây ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Công ty.

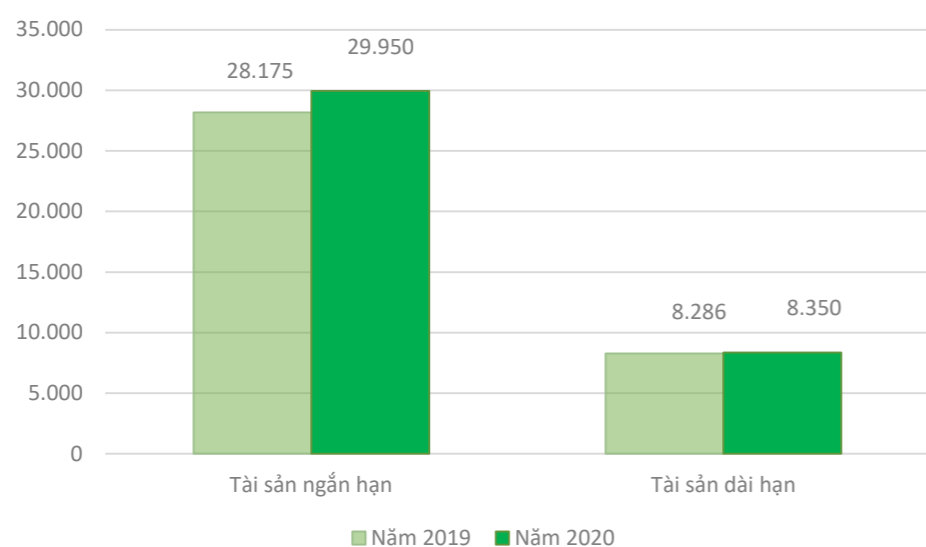


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình Tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	28.175	29.950	106,30	77,27%	78,20%
Tài sản dài hạn	8.286	8.350	100,77	22,73%	21,80%
Tổng tài sản	36.461	38.299	105,04%	100%	100%



Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm đến 78,20% với giá trị gần 29,95 tỷ đồng. Khoản mục tài sản ngắn hạn tăng thêm 6,30% (1,77 tỷ đồng) do khoản tiền gửi ngân hàng đã tăng từ 7,58 tỷ đồng lên 10,82 tỷ đồng (tăng thêm 42, 74% so với cùng kỳ). Nguyên nhân chủ yếu khiến khoản mục tiền gửi ngân hàng tăng vì Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, công tác thu hồi công nợ được cải thiện, đồng thời

trước rủi ro chung của nền kinh tế, Công ty hạn chế đầu tư dự án mới và tăng dự trữ tiền để ứng phó với những trường hợp xấu nhất.

Khoản mục tài sản dài hạn gần như không thay đổi nhiều so với năm 2019 (tăng 0,78%). Trong kỳ, Công ty chỉ mua phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình.

Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	18.397	18.191	98,88%	100%	100%
Nợ dài hạn	0	0	-	0	0
Tổng nợ phải trả	18.397	18.191	98,88%	100%	100%



Trong năm vừa qua, khoản mục nợ phải trả của Công ty gần như không có sự thay đổi nhiều, chỉ ghi nhận giảm 1,12% so với năm 2019. Nguyên nhân đến từ khoản phải trả người bán ghi nhận mức giảm 7,79% do Công ty không còn ghi nhận các khoản phải trả liên quan đến Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Việt Kiến Phát. Công ty vẫn duy trì việc không sử dụng nợ vay dài hạn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Bộ máy tổ chức và quản lý

- Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ quản lý học tập, rèn luyện bản thân công việc, chính trị. Cán bộ quản lý tự giác, tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa là tham mưu vừa là người tổ chức thực hiện.
- Phân công cán bộ quản lý nhà quán theo nguyên tắc: Một người đảm đương nhiều việc, một việc không giao cho nhiều người và có người chịu trách nhiệm tương ứng với quyền lợi.
- Thực hiện tinh giảm biên chế khi hội tụ đủ các điều kiện cho phép.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị thi công, cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.
- Thực hiện tốt Quy định 287/TW của BTC TW về mối quan hệ giữa Đảng ủy với HĐQT, Giám đốc trong CTCP có vốn nhà nước chi phối.

Chính sách

- Phát hành cổ phiếu vào thời điểm thích hợp, huy động vốn, không trông chờ, ỷ lại nguồn vốn nhà nước.
- Thực hiện đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao năng lực sản xuất sẵn sàng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành trong nền kinh tế thị trường.
- Tạo lập uy tín, xây dựng thương hiệu thông qua chất lượng phục vụ.
- Thành lập công ty con đủ điều kiện tham gia đấu thầu những dự án dưới 5 tỷ đồng.
- Hợp tác, liên kết với các đối tác có năng lực tham gia đấu thầu dự án mà công ty có chức năng, giấy phép hành nghề.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, người lao động học tập, nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề, có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề mà Công ty có chức năng, nhiệm vụ. Có chính sách thu hút nhân tài vào làm việc ở Công ty với nhiều phương pháp tuyển dụng.
- Tăng cường độ chính xác của công tác dự báo, dự phòng để giảm bớt rủi ro cho Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.200
1.1	Hoạt động công ích	35.219
1.2	Xây dựng cơ bản và hoạt động khác	4.500
1.3	Thu giá dịch vụ môi trường	7.481
2	Lợi nhuận sau thuế	2.700
3	Thu nhập bình quân người lao động/tháng	7,5

Nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện các công tác công ích đô thị: Vệ sinh môi trường, Chiếu sáng đô thị, Công viên cây xanh, Sự nghiệp giao thông và quản lý nhà thuộc SHNN.
- Các dự án XDCB từ nguồn vốn NS tập trung.

Công trình trọng điểm

- Phối hợp tham mưu với thành phố điều chỉnh quy hoạch cục bộ công viên Hồ Đồng Nai để có cơ sở điều chỉnh dự toán, trình phê duyệt và tổ chức thi công.
- Triển khai công trình cải tạo, nâng cấp đường 28/3 và Võ Thị Sáu vào quý II/2021.
- Khẩn trương quyết toán công trình Khu tái định cư Nguyễn Khuyến vào quý II/2021.



Biện pháp triển khai thực hiện



Tiếp tục hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước tại các CTCP có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã được thông qua. Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt các bộ phận nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tăng lợi nhuận.



Kiên quyết khắc phục và có giải pháp hữu hiệu giải quyết những tồn tại trong hoạt động công ích, trong xây dựng cơ bản. Giải quyết dứt điểm việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

Phát huy vai trò của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ và quy chế, nhằm tạo sự đồng thuận thống nhất xây dựng Công ty phát triển bền vững.



Cải cách bộ máy tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần hoạt động theo cơ chế của nền kinh tế thị trường. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm túc Nội quy, Quy chế và các Nghị quyết đã ban hành.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân, phối hợp với các phòng ban thành phố, các xã, phường, đoàn thể thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, duy trì khai thác hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo trật tự đô thị trên địa bàn thành phố.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần bảo vệ môi trường sống của người dân, xây dựng thành phố “Xanh-sạch-sáng-đẹp”.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là một trong những nhân tố thiết yếu đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Vì vậy, Ban giám đốc luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên Công ty. Bên cạnh các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, Ban lãnh đạo luôn lắng nghe nguyện vọng của người lao động để cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện tối đa để người lao động yên tâm công tác



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban giám đốc đã cùng cán bộ nhân viên công ty tổ chức các chương trình quyên góp giúp đỡ bà con các vùng bị thiên tai bão lũ, tham gia các chương trình từ thiện, hoạt động xã hội tại địa phương





Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

CHƯƠNG 04
BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2019	KH Năm 2020	TH Năm 2020	So sánh	
				% tăng/giảm 2020/2019	% tăng giảm TH 2020/KH 2020
Doanh thu thuần	44.260	48.000	47.683	107,73%	99,34%
Lợi nhuận thuần, trước thuế	2.052		3.614	176,12%	
Lợi nhuận sau thuế	1.606	2.500	3.080	191,78%	123,20%

Trong năm 2020, doanh thu và lợi nhuận sau thuế có xu hướng tăng trưởng tốt. Với việc đầu tư cho việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao cơ sở xử lý chất thải đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày một tiến triển.

Ban Giám đốc đã đưa ra nhiều chính sách hợp lý, phối hợp cùng các cán bộ quản lý khác để hoàn thành việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nộp ngân sách nhà nước, không để tồn nợ thuế, tránh phát sinh nợ quá hạn các khoản tiền vay ngân hàng.
- Quản lý bộ máy lao động hiệu quả, phân công công việc hợp lý cho từng bộ phận để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát

HĐQT giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Hàng quý, Ban Giám đốc lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT; đồng thời, qua các buổi họp của HĐQT, Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại

cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

Thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT cũng thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Kết quả hoạt động giám sát

Hoạt động Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh: Hoạt động của Ban điều hành được thực hiện tuân thủ theo đúng các Nghị quyết của HĐQT, các chiến lược kinh doanh được truyền đạt thông suốt từ HĐQT đến Ban điều hành và CB-CNV. Dù còn nhiều khó khăn vướng mắc nhưng Công ty đã phần nào khẳng định được thương hiệu và năng lực của mình trong lĩnh vực hoạt động công ích.

Ban điều hành Công ty đã tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Ban điều hành tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát công ty.

Tài chính: Tình hình tài chính cơ bản được kiểm soát tốt, Vốn chủ sở hữu bảo toàn, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



Năm 2021, định hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của CTCP Công trình Đô thị Bảo Lộc là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, HĐQT sẽ tiếp tục phối hợp với Ban điều hành công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ sau:

- » Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ công nhân viên, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty.
- » Tiếp tục kiện toàn và định biên bộ máy gọn nhẹ, giảm chi phí quản lý đồng thời đào tạo, tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính, kế toán, quản trị dự án xây lắp, tổ chức lao động tiền lương.
- » Yêu cầu ban điều hành rà soát, xây dựng các quy chế giao khoán nội bộ, quy chế quản lý xe máy hiết bị, quy trình mua sắm và quản lý vật tư, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tài chính Công ty trình HĐQT xem xét, ban hành.
- » Tăng cường việc giám sát, quản lý tốt vật tư,

- thiết bị máy móc của Công ty. Tổ chức thanh lý các tài sản, vật tư không cần dùng, không còn giá trị sử dụng.
- » Đầu tư thêm 01 xe thang (xe nâng) để phục vụ việc sửa chữa, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn THGT và cắt tỉa cây xanh trên các tuyến đường phố.
- » Thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên các công trường đang thi công
- » Tiếp tục tiến hành thoái vốn Nhà nước tại Công ty với các số liệu chủ yếu sau: Số lượng vốn cổ phần Nhà nước thực hiện chuyển nhượng: 162.304 cổ phần tương ứng với 10,42% vốn điều lệ thực góp.



Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và
Ban Kiểm soát

CHƯƠNG 05 **BÁO CÁO QUẢN TRỊ** **CÔNG TY**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông: Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch HĐQT	6.800	0,44%
2	Ông: Lê Kim Hiền	Thành viên HĐQT/Giám đốc	5.700	0,37%
3	Ông: Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	4.600	0,30%
4	Ông: Phan Huy Thanh	Thành viên HĐQT	5.000	0,32%
5	Ông: Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	16.600	1,07%

NGUYỄN DUY TIÊN
Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 10/06/1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường

Quá trình công tác:

- 1994- 1998: Đội phó đội 1 tại Nông trường chè Minh Rồng, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm
- 1998- 2003: Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính tại Công ty Công trình giao thông Lâm Đồng
- 2005- 2017: Đội trưởng đội xây lắp trực thuộc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2015- 04/2020 : Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 06/2018- 11/2020: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 11/2020 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 581.007 cổ phiếu (37,29% Vốn điều lệ)

- Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phiếu (0,44% Vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu phần vốn của UBND tỉnh Lâm Đồng: 574.207 cổ phiếu (36,85% Vốn điều lệ)

LÊ KIM HIỀN
Thành viên HĐQT/
Giám đốc

Xem lý lịch Ban điều hành

PHAN HUY THANH
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 13/10/1945

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1963- 1965: Đại đội trưởng tại Thanh niên Quốc phòng
- 1966- 1968: Bí thư Đoàn tại Trường Cán bộ Thống kê Anh Sơn- Nghệ An
- 1969- 1975: Trưởng phòng tại Phòng Thống kê Anh Sơn – Nghệ An
- 1976 – 1983: Chánh văn phòng tại Huyện ủy Bảo Lộc
- 1984 – 1997: Chủ tịch UBND Thị xã Bảo Lộc
- 2010 – Nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phiếu (0,32% Vốn điều lệ)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH
Thành viên HĐQT/
Phó Giám đốc

Xem lý lịch Ban điều hành

NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2002 - 2005: Kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Châu
- 2007 - 2017: Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất khoáng sản Phú Gia Phát
- 2018 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia Phát - HCM

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

- 2016 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần công viên Nghĩa trang Bảo Lộc
- 2014 - Nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sen Hồng P.G.P

Tổng số cổ phần nắm giữ: 16.600 cổ phiếu (1,07% Vốn điều lệ)

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự họp	Tỷ lệ tham dự
1	Ông: Nguyễn Duy Tiên	Chủ tịch HĐQT	15/15	100%
2	Ông: Lê Kim Hiền	Thành viên HĐQT/Giám đốc	15/15	100%
3	Ông: Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc		100%
4	Ông: Phan Huy Thanh	Thành viên HĐQT	15/15	100%
5	Ông: Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT		100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	10/01/2020	Xem xét kết quả kiểm kê và công tác thuê đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019. Xem xét mức khen thưởng năm 2019 và kinh phí phục vụ Tết Nguyên đán năm 2020. Báo cáo kết quả thanh lý tài sản của Ban thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên tại XN VLXD
2	02/2020/NQ-HĐQT	10/2/2020	Báo cáo kết quả thực hiện công tác phục vụ Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Xem xét quyết định khen thưởng đột xuất cho tập thể XN DVMT trong công tác phục vụ trước, trong và sau tết Nguyên đán 2020. Thảo luận và biểu quyết phương án bổ sung người quản lý doanh nghiệp chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Đức Hạnh Thông nhất kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.
3	03/2020/NQ-HĐQT	18/3/2020	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2020.
4	04/2020/NQ-HĐQT	09/04/2020	Thông nhất kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020. Mua xe ép rác chuyên dùng Đánh giá người quản lý doanh nghiệp nắm giữ phần vốn của Nhà nước.
5	05/2020/NQ-HĐQT	17/04/2020	Hủy ngày ĐHCĐ thường niên năm 2020
6	06/2020/NQ-HĐQT	04/05/2020	Thực hiện lại tờ trình xin ý kiến chủ sở hữu theo Văn bản 341/SNV-CCVC ngày 17/4/2020
7	07/2020/NQ-HĐQT	13/05/2020	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025. Báo cáo kết quả thực hiện Quý 1 và phương hướng thực hiện Quý 2/2020
8	08/2020/NQ-HĐQT	30/06/2020	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020

9	09/2020/NQ-HĐQT	31/07/2020	Thông nhất kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương về KH sử dụng ghi phí chung năm 2020 Thông nhất tăng hệ số năng lực, mức lương cho người quản lý doanh nghiệp và người điều hành khác trong Công ty. Xem xét, quyết định xử lý số liệu kiểm kê năm 2019.D21 Xem xét, quyết định công tác nhân sự người quản lý công ty. Xin ý kiến HĐQT về việc lập, xác nhận, phê duyệt hồ sơ công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC CBCNV trường TH dạy nghề Bảo Lộc để quyết toán công trình.
10	10/2020/NQ-HĐQT	19/08/2020	Thông nhất công tác bàn giao Giám đốc công ty giữa ông Lê Kim Hiền và ông Nguyễn Duy Tiên. Xem xét, thông nhất các phạm vi ủy quyền giữa người đại diện theo pháp luật và người điều hành Công ty. Xem xét, thông nhất loại hình doanh nghiệp để thành lập công ty con. Xem xét, thông nhất thù lao, lương cho người quản lý Công ty.
11	11/2020/NQ-HĐQT	07/10/2020	Thông báo các văn bản của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Thông nhất thời gian, chương trình, nội dung tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2020. Báo cáo kết quả thực hiện 9 tháng/2020 và phương hướng thực hiện quý 4/2020
12	12a/2020/NQ-HĐQT	24/11/2020	Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2020
13	13a/2020/NQ-HĐQT	30/11/2020	Về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc công ty.
14	14/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	Về việc chốt danh sách để nhận tiền cổ tức năm 2019 Ghi nhận công tác bàn giao chức danh Chủ tịch HĐQT, công việc quản lý điều hành công ty giữa ông Nguyễn Duy Tiên và ông Lê Kim Hiền.
15	15/2020/NQ-HĐQT	16/12/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020. Thông nhất sửa chữa, sơn lại khuôn viên công ty. Xem xét đề xuất của ông Hồ Đình Dũng về việc thôi kiêm nhiệm chức vụ thư ký HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông: Phạm Thanh Kem	Trưởng Ban Kiểm soát	21.300	1,37%
2	Ông: Phạm Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.000	0,06%
3	Bà: Bùi Thị Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	1.200	0,08%

Lý lịch Ban Kiểm soát

PHẠM THANH KEM Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1961

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1983 - 1991: Kế toán trưởng tại Xí nghiệp 3/2 - Huyện ủy Bảo Lộc
- 1992 - 1993: Kế toán trưởng tại Trung tâm Dâu tằm tơ Đức Trọng - Công ty Dâu tằm tơ Lâm Đồng
- 1994 - 1997: Chuyên viên Phòng Tài chính Huyện ủy Bảo Lâm
- 1998 - 2002: Quản lý nhà đất tại Xí nghiệp KDPT nhà Nam Lâm Đồng
- 2003 - Nay: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 11/2020 - Nay: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 21.300 cổ phiếu (1,37% Vốn điều lệ)

PHẠM VĂN MINH Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh: 04/02/1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1978- 1984: Kế toán tại Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc
- 1984- 1992: Kế toán trưởng tại Xí nghiệp cơ khí Quốc doanh Bảo Lộc
- 1992- Nay: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Bảo Lộc
- 2010- Nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phiếu (0,06% Vốn điều lệ)

BÙI THỊ HẢI YẾN Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh: 30/01/1985

Trình độ chuyên môn: Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 2006- 2010: Nhân viên phòng Kế hoạch – Kế toán tại Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2010- Nay : Nhân viên phòng Kế hoạch – Kế toán tại Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc
- 2012- Nay : Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phiếu (0,08% Vốn điều lệ)

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Giám đốc và hoạt động SXKD của công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của công ty.

Nội dung chủ yếu các phiên họp của Ban kiểm soát bao gồm:

- Kiến nghị các công ty kiểm toán được chấp thuận để HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm của công ty;
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và tình hình SXKD của công ty thông qua báo cáo tài chính định kỳ của HĐQT, Ban giám đốc.



Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông:



BKS đã chủ động trao đổi, thông nhất với HĐQT các nội dung, kế hoạch kiểm



tra, giám sát, phối hợp với ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra giám sát.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS.



Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD

HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ



phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

CHƯƠNG 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

AASCN

Số : 39-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, được lập ngày 10/03/2021, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm chúng kiến kiểm kê, Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tại Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu (là đơn vị phụ thuộc của Công ty) đã ngừng hoạt động khai thác đá làm vật liệu thông thường theo công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Với số liệu hiện có tại Công ty, Chúng tôi không xác định được tính chính xác, hiện hữu, đầy đủ của giá trị tiền mặt 6.402.011 VND (**thuyết minh V.1**), Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình 1.571.753.700 VND (**thuyết minh V.9**), công cụ dụng cụ 115.603.704 VND (**thuyết minh V.8**) của Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu tại thời điểm 31/12/2020.

Mặt khác, chúng tôi không thu thập được đầy đủ tài liệu liên quan đến Công nợ phải thu – phải trả của Xí nghiệp này tại thời điểm 31/12/2020. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán và hạn chế các thủ tục cần thiết khác, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu liên quan đến Xí nghiệp với giá trị lần lượt Phải thu của khách hàng 1.093.906.000 VND (**thuyết minh V.2**), Phải thu ngắn hạn khác 746.436.576 VND (**thuyết minh V.4**), Kỳ quỹ dài hạn 23.800.000 VND (**thuyết minh V.4**), Phải trả khác 4.328.190.274 VND (**thuyết minh V.14**).

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, việc xử lý tài chính cũng như công nợ liên quan đến hợp đồng liên doanh số 02/HDHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ tại Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu vẫn chưa thực hiện được. Với số liệu hiện có của đơn vị, chúng tôi không thể xác định được tính chính xác, đầy đủ, hiện hữu và tồn thất có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác tại Báo cáo kiểm toán số 0242/2020/BCTC-KTV ngày 09/04/2020 thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 0094/2020/BCTC-KTV ngày 18/03/2020 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2019-152-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang

Chứng nhận Đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2784-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.948.994.330	28.176.190.683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.042.471.638	11.138.973.220
1. Tiền	111		1.042.471.638	8.117.375.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.021.597.626
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.194.619.523	15.850.529.453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.412.317.881	7.904.848.432
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.871.448.933	5.165.016.768
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.351.757.581	3.457.229.853
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.440.904.872)	(676.366.600)
III. Hàng tồn kho	140		711.903.169	1.131.739.853
1. Hàng tồn kho	141	V.6	711.903.169	1.131.739.853
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	53.948.157
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	53.948.157
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.350.460.278	8.285.845.535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.800.000	23.800.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	23.800.000	23.800.000
II. Tài sản cố định	220		7.499.255.678	6.540.597.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.447.155.678	6.488.497.782
Nguyên giá	222		15.107.700.200	16.214.074.065
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.660.544.522)	(9.725.576.223)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	52.100.000	52.100.000
- Nguyên giá	228		52.100.000	52.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		827.394.600	1.721.447.753
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	827.394.600	1.721.447.753
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.299.444.608	36.461.036.218

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.190.655.549	18.397.422.095
I. Nợ ngắn hạn	310		18.190.655.549	18.397.422.095
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.355.936.699	2.555.069.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	101.655.537	106.191.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	959.017.823	1.074.071.970
4. Phải trả người lao động	314		5.611.073.988	4.766.093.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	775.063.646	1.414.455.981
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7.821.617.279	7.910.766.221
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		566.290.577	570.773.192
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	20.108.789.059	18.063.614.123
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.328.869.489	17.902.616.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		493.935.213	310.190.259
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.252.454.276	2.009.946.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		172.496.754	403.462.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.079.957.522	1.606.483.541
II. Nguồn kinh phí	430		779.919.570	160.997.570
1. Nguồn kinh phí	431	V.16	779.919.570	160.997.570
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.299.444.608	36.461.036.218

Người lập biểu

Đinh Công Văn

Ngày 10 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lưu Quang Tuấn

Giám đốc



Lê Kim Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.683.386.978	44.259.529.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	47.683.386.978	44.259.529.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	37.121.576.085	35.732.301.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.561.810.893	8.527.228.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	69.924.763	138.743.935
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.852.337.613	6.055.639.022
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.779.398.043	2.610.333.169
11. Thu nhập khác	31	VI.5	24.713.505	84.529.193
12. Chi phí khác	32	VI.6	190.581.020	642.531.375
13. Lợi nhuận khác	40		(165.867.515)	(558.002.182)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.613.530.528	2.052.330.987
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	533.573.006	445.847.446
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.079.957.522	1.606.483.541
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.482	736

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.613.530.528	2.052.330.987
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.004.485.608	904.945.179
- Các khoản dự phòng	03	764.539.272	7.619.350
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	35.247.189	(254.053.026)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(887.233.042)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.417.802.597	1.823.609.448
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(54.681.185)	633.299.834
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	419.836.684	916.532.539
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(635.856.937)	1.082.314.154
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	894.053.153	230.608.783
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(100.000.000)	(991.972.916)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	618.922.000	253.495.155
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(463.845.000)	(1.205.142.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.096.231.312	2.742.744.634
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.208.760.910)	(1.469.613.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	140.445.454	2.078.945.455
3. Tiền thu lãi cho vay	27	69.924.763	138.743.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.998.390.693)	748.075.754
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.194.342.201)	(1.647.718.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.194.342.201)	(1.647.718.506)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.903.498.418	1.843.101.882
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.138.973.220	9.295.871.338
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.042.471.638	11.138.973.220

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lộc (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng đường, công trình thoát nước;
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;
- ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và XI nghiệp sản xuất vật liệu (Đơn vị phụ thuộc Công ty)

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 153 người (tại ngày 31/12/2019 là 155 người)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp đo Bô tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị, năng lực tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 -- 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 -- 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 -- 10 năm
- Thiết bị văn phòng	10 -- 15 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại: Mỏ đá đều Bảo Lộc. Quyền sử dụng đất không xác định được thời gian nên không trích khấu hao.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ căn cứ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng Hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trong yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã kỳ được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ); nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn và việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê-mướn bãi, khoản lập dự phòng phải thu, khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, khách hàng...)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

11. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BỘ PHẬN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

BỘ PHẬN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị để được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một (nhiều) điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	218.226.194	537.892.325
+ Tại Văn Phòng	211.824.153	531.492.314
- Tại Xi nghiệp vật liệu xây dựng	6.402.011	6.402.011
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.824.245.444	7.579.483.269
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.000.000.000	3.021.597.626
Cộng	14.042.471.638	11.138.973.220

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	5.365.326.704	5.304.986.345
Ủy ban Phường Lộc Tiến	-	410.610.349
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt (*)	1.202.683.500	1.202.683.500
Công ty TNHH Nguyễn Thành (*)	300.000.000	400.000.000
Phải thu khách hàng khác (*)	1.544.307.677	586.368.238
Cộng	8.412.317.881	7.904.648.432

(*) Trong đó, phải thu khách hàng ngắn hạn ở Xi nghiệp Sản xuất Vật liệu là 1.093.806.000 đồng (Bao gồm: Công ty TNHH XD Công trình Nam Việt 734.629.000 đồng, Công ty TNHH Nguyễn Thành 300.000.000 đồng, Phải thu khách hàng khác 58.877.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Liên doanh Công ty Tư vấn xây dựng miền Đông & TAA	1.957.651.983	1.957.651.983
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Tiến	893.692.000	893.692.000
Bồ Thanh Tùng	225.740.123	673.600.123
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Khánh Phát	385.981.000	385.981.000
Công ty TNHH Hồng Kỳ	-	171.734.187
Công ty TNHH Xây dựng Thủy Lợi Quốc Minh	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.305.383.627	982.357.465
Cộng	4.871.448.933	5.165.016.768

4. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu ngắn hạn khác	3.351.757.581	3.457.229.853
Tạm ứng	159.840.993	128.160.593
Ngân sách thành phố Bảo Lộc	565.279.446	565.279.446
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	300.258.070	300.258.070
Kỳ quỹ kỳ cược ngắn hạn	199.797.493	199.797.493
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	100.000.000	100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (*)	2.026.683.500	2.153.734.251
Phải thu dài hạn khác	23.800.000	23.800.000
Kỳ quỹ kỳ cược dài hạn (*)	23.800.000	23.800.000
Cộng	3.375.557.581	3.481.029.853

(*) Trong đó, phải thu khác ở Xi nghiệp Sản xuất Vật liệu là 746.436.578 đồng, kỳ quỹ kỳ cược dài hạn 23.800.000 đồng.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	1.559.230.668	(824.301.668)	1.559.231.668	(676.365.600)
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đại Phúc Đạt	99.815.000	(99.815.000)	99.815.000	(99.815.000)
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	1.202.683.500	(467.754.500)	1.202.683.500	(467.754.500)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Huỳnh Tam Long	147.937.068	(147.937.068)	147.937.068	-
Dự phòng khó đòi khác	108.796.100	(108.796.100)	108.796.100	(108.796.100)
Phải thu khác	400.258.070	(400.258.070)	400.258.070	-
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	-
Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương 2	300.258.070	(300.258.070)	300.258.070	-
Trả trước người bán	216.345.134	(216.345.134)	216.345.134	-
Công ty TNHH Xây dựng Thủy Lợi Quốc Minh	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	-
Công ty Tư vấn xây dựng Sông Hồng	116.345.134	(116.345.134)	116.345.134	-
Cộng	2.175.833.872	(1.440.904.872)	2.175.834.872	(676.365.600)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị (tính: VND)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	517.013.250	-	629.090.299	-
Công cụ, dụng cụ	71.785.900	-	108.405.540	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	240.483.507	-
Thành phẩm	123.124.019	-	153.760.507	-
Cộng	711.903.169	-	1.131.739.853	-

	31/12/2020	01/01/2020
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	711.903.169	1.131.739.853

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	52.100.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	52.100.000

Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	-

Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	52.100.000
Tại ngày cuối năm	52.100.000

Đây là Quyền sử dụng đất tại Mô đa đèo Bảo Lộc. Quyền sử dụng đất không xác định được thời gian nên không trích khấu hao.

B. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	711.790.896	1.203.229.236
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	402.814.813
Chi phí trả trước dài hạn khác ở Xi nghiệp Sản xuất Vải liệu	115.603.704	115.603.704
Cộng	827.394.600	1.721.447.753

52.100.000 = 52.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, truyền dẫn (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.348.438.180	2.408.176.049	8.384.188.796	73.240.000	16.214.074.005
Số tăng trong năm	-	128.145.388	2.098.760.910	-	2.226.910.299
- Mua trong năm	-	170.000.000	2.098.760.910	-	2.208.760.910
- Phân loại lại	-	18.149.389	-	-	18.149.389
Số giảm trong năm	2.704.646.590	518.893.125	109.744.388	-	3.333.284.104
- Thanh lý, nhượng bán	55.350.000	518.893.125	91.595.000	-	666.838.125
- Phân loại lại	-	-	18.149.389	-	18.149.389
- Giảm khác	2.648.296.590	-	-	-	2.648.296.590
Số dư cuối năm	1.643.821.570	2.017.432.313	11.373.206.317	73.240.000	15.107.700.200
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.782.726.617	1.180.212.579	4.718.032.279	46.604.754	9.725.576.223
Số tăng trong năm	123.509.885	65.629.428	862.159.000	13.317.622	1.064.616.036
- Khấu hao trong năm	123.509.886	65.499.000	862.159.000	13.317.622	1.004.485.608
- Phân loại lại	-	60.130.428	-	-	60.130.428
Số giảm trong năm	2.704.646.590	315.256.759	109.744.388	-	3.129.647.737
- Thanh lý, nhượng bán	55.350.000	315.256.759	49.613.980	-	421.220.739
- Phân loại lại	-	-	60.130.428	-	60.130.428
- Giảm khác	2.648.296.590	-	-	-	2.648.296.590
Số dư cuối năm	1.201.590.007	930.585.248	5.468.446.891	59.922.376	7.660.544.522
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	565.741.549	1.227.963.470	4.668.157.517	28.635.245	6.488.497.782
Tại ngày cuối năm	442.231.563	1.086.847.065	5.904.759.426	13.317.624	7.447.155.678

(*) Trong đó, giá trị còn lại đang theo dõi tại Xi nghiệp Sản xuất vật liệu chưa được kiểm kê theo quy định tại ngày 31/12/2020 là 982.346.065 đồng (Nguyên giá 1.571.753.700 đồng, Hao mòn lũy kế 589.407.635 đồng)

31/12/2020

01/01/2020

2.396.030.379

4.857.921.056

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết, nhưng vẫn còn sử dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính VND

10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
Hoa kiếng Tuấn Thủy	243.522.200		542.910.100	
Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	275.926.918		381.084.737	
Công ty TNHH Xăng cầu Tín Hùng	227.376.679		295.072.259	
Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Hoa	250.429.085		180.393.240	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Việt Kiên Phát	214.510.000		-	
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.143.972.807		1.145.609.377	
Cộng	2.355.938.699		2.555.068.713	

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
Ban Quản lý dự án	69.278.837		69.278.837	
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đầu tư và Thương mại Kiến Tạo	12.676.700		12.676.700	
Công ty TNHH Kiến Giang	16.500.000		16.500.000	
Người mua trả trước khác	4.200.000		8.736.000	
Cộng	101.655.537		106.191.537	

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước	01/01/2020		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2020	
Phải nộp	1.074.071.870	2.993.250.408	3.108.304.555	959.017.823				
Thuế giá trị gia tăng	1.051.505.089	2.276.632.624	2.751.873.022	576.264.071				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	479.624.848	100.000.000	379.624.848				
Thuế thu nhập cá nhân	19.437.998	47.533.887	66.971.885	-				
Thuế tài nguyên	3.128.903	-	-	3.128.903				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	186.459.048	186.459.048	-				
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-				
Phải thu	53.948.157	53.948.157	-	-				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.948.157	53.948.157	-	-				

13. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
Chi phí phải trả khác	775.063.646		1.414.455.981	
Cộng	775.063.646		1.414.455.981	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính VND

14. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2020		01/01/2020	
Kinh phí công đoàn	223.158.112		150.432.629	
Bảo hiểm xã hội	-		1.105.966	
Ngân sách hành phố Bảo Lộc	3.000.986.856		3.000.986.856	
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt (*)	2.164.095.137		2.164.095.137	
Công ty TNHH TMDV Trương Vũ (*)	2.164.095.137		2.164.095.137	
Phải trả ngắn hạn khác	265.284.034		430.050.493	
Cộng	7.821.617.279		7.910.766.221	

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến hợp đồng số 02/HĐHTKD ngày 20/10/2013 giữa liên doanh Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc - Công ty TNHH Xây dựng Nam Việt - Công ty TNHH TMDV Trương Vũ đến thời điểm này vẫn chưa thống nhất số liệu giữa các bên để chỉnh thức ngừng hoạt động theo công văn số 8808/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.582.480.000	56.695.104	2.838.414.301	18.577.589.405
Lãi trong năm trước	-	-	1.805.483.541	1.805.483.541
Trích lập các quỹ	-	253.495.155	(887.233.042)	(633.737.887)
Chia cổ tức	-	-	(1.647.718.506)	(1.647.718.506)
Số dư cuối năm trước	15.582.480.000	310.190.259	2.009.946.294	17.902.616.553
Số dư đầu năm nay	15.582.480.000	310.190.259	2.009.946.294	17.902.616.553
Lãi trong năm nay	-	-	3.079.857.522	3.079.857.522
Trích lập các quỹ	-	183.744.954	(643.107.335)	(459.362.381)
Chia cổ tức	-	-	(1.194.342.201)	(1.194.342.201)
Số dư cuối năm nay	15.582.480.000	493.935.213	3.262.454.276	19.328.869.489

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	%	31/12/2020	%	01/01/2020
Vốn góp của nhà nước	61,42	9.570.110.000	61,42	9.570.110.000
Các cổ đông khác	38,58	6.012.370.000	38,58	6.012.370.000
Cộng	100	15.582.480.000	100	15.582.480.000

BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.582.480.000	15.582.480.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	1.194.342.201	1.847.718.606
d) Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.558.248	1.558.248
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)		
18. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm:	160.997.570	160.997.570
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	618.922.000	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	779.919.570	160.997.570
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh và công ích	47.683.386.978	44.259.529.500
Cộng	47.683.386.978	44.259.529.600
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh và công ích	37.121.576.085	35.732.301.244
Cộng	37.121.576.085	35.732.301.244

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền gửi	69.924.763
Cộng	69.924.763	138.743.935
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.816.396.370	2.781.331.186
Chi phí khấu hao	175.460.622	117.234.754
Dự phòng phải thu khó đòi	764.539.272	240.306.850
Các khoản chi: phí quản lý khác	2.995.941.349	2.918.767.232
Cộng	6.852.337.613	6.055.638.022
5. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	24.713.505	84.529.193
Cộng	24.713.505	84.529.193
6. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt v. phạm hành chính	-	106.606.744
Lỗ thanh lý tài sản cố định	105.171.952	536.025.131
Chi phí khác	85.409.068	-
Cộng	190.581.020	642.531.375
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất: thuế TNDN trong năm hiện hành.		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp niên hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.613.530.526	2.052.330.987
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	197.705.234	176.906.244
- Các khoản điều chỉnh tăng	197.705.234	176.906.244
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.811.235.762	2.229.237.231
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN trong năm	762.247.152	445.847.445
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% (*)	228.674.146	-
Chi phí thuế TNDN các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	533.573.006	445.847.445

(*) Doanh nghiệp thuộc đối tượng được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 25/09/2020.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.079.957.522	1.606.483.541
Các khoản điều chỉnh	(769.989.381)	(459.362.385)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	769.989.381	459.362.385
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.309.968.141	1.147.121.156
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.558.248	1.558.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.482	736

Gh chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do trong năm nay Công ty trích các Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐPCCĐ ngày 24/11/2020. Năm nay, Công ty tạm trích 10% Quỹ Khen thưởng, 10% Phúc lợi và 5% Quỹ khen thưởng Ban điều hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.895.936.047	12.404.647.185
Chi phí nhân công	18.694.370.160	17.953.743.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.004.485.608	904.945.179
Chi phí dự phòng	764.539.272	240.305.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	10.391.088.937	9.320.274.793
Cộng	43.550.400.024	40.823.916.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đời được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc lương năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.175.821.823	1.402.201.816

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.042.471.638	11.138.973.220	14.042.471.638	11.138.973.220
Phải thu khách hàng	6.971.413.009	7.228.282.832	6.971.413.009	7.228.282.832
Phải thu khác	2.992.119.095	3.119.271.767	2.992.119.095	3.119.271.767
Cộng	24.006.003.742	21.486.527.819	24.006.003.742	21.486.527.819
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	2.355.936.699	2.555.069.713	2.355.936.699	2.555.069.713
Chi phí phải trả	775.083.646	1.414.455.981	775.083.646	1.414.455.981
Phải trả khác	7.598.451.167	7.759.227.626	7.598.451.167	7.759.227.626
Cộng	10.729.461.512	11.728.753.320	10.729.461.512	11.728.753.320

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp tài sản cố định hữu hình và Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	10.729.461.512	-	10.729.461.512
Phải trả cho người bán	2.355.936.699	-	2.355.936.699
Chi phí phải trả	775.063.646	-	775.063.646
Các khoản phải trả khác	7.598.461.167	-	7.598.461.167
Số đầu năm	11.728.753.320	-	11.728.753.320
Phải trả cho người bán	2.555.069.713	-	2.555.069.713
Chi phí phải trả	1.414.455.981	-	1.414.455.981
Các khoản phải trả khác	7.759.227.626	-	7.759.227.626

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt. Số liệu đầu năm được trình bày lại như sau:

Nội dung	31/12/2019	01/01/2020 Trình bày lại	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Nguyên kinh phí	160.997.570	160.997.570	-
1. Nguồn kinh phí	70.805.620	160.997.570	90.191.950
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	90.191.950	-	(90.191.950)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đinh Công Văn

Lưu Quang Tuấn

Lê Kim Hiền

Ngày 10 tháng 03 năm 2021

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC



Nguyễn Duy Tiến